

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **43/2026/DS- ST**

Ngày 28/5/2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Nguyễn Thị Bắc, bà Hoàng Thị Việt Hà;

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thao – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST – DS, ngày 20 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2026/QĐST-DS, ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vi Văn S, sinh ngày 17/12/1970;

Số CCCD: 024070010987;

Địa chỉ thường trú: thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vi Văn Q, sinh ngày 06/10/1966;

Số CCCD: 024066015908;

Địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; (vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng ông Vi Văn S trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ông Q có hỏi ông vay tiền, ngày 09/02/2024 ông có cho ông Q vay số tiền là 335.000.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), mục đích vay để đi buôn gỗ, lãi suất 1%/tháng, nếu quá thời hạn thì ông Q phải trả lãi suất là 1,5%/tháng; khi vay có viết giấy xác nhận nợ, thời hạn vay đến ngày 15/07/2024 ông Q phải trả cho ông cả gốc lẫn lãi. Từ khi ông Q vay đến nay

chưa trả cho ông được tiền gốc đồng nào mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả tiền; tiền lãi thì cuối năm 2025 ông Q đã trả được 10.000.000đ. Số tiền ông Q vay là giữa cá nhân ông với ông Q không liên quan đến gia đình hai bên.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Q phải trả cho ông số tiền gốc 335.000.000 đồng (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng); tiền lãi tính đến ngày xét xử như sau:

Tiền lãi trong hạn từ ngày 09/02/2024 đến 15/7/2024 ông tính tròn 5 tháng với lãi suất 1%/tháng là 16.750.000 đồng. Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 16/7/2024 với lãi suất là 1,5%/tháng tính đến ngày xét xử 28/5/2026 (22 tháng 12 ngày) là: 112.560.000 đồng; tổng tiền lãi là 129.310.000đ (ông nhất trí trừ đi số tiền ông Q đã trả lãi là 10.000.000đ).

Tổng cả gốc và lãi ông yêu cầu trả tính đến ngày 28/5/2026 là 454.310.000 đồng.

Ngoài ra ông Q còn phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền trên theo giấy xác nhận nợ.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các biện pháp tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với ông Q đến Tòa án để làm việc và thể hiện quan điểm trước yêu cầu khởi kiện của ông S nhưng ông Q vắng mặt, không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao ông Q vắng mặt không có lý do nên đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên toà nguyên đơn có mặt; bị đơn ông Q đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

[4] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26; 35; 144, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi,

bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn S đối với ông Vi Văn Q;

Buộc ông Vi Văn Q phải trả cho ông Vi Văn S số tiền nợ gốc là 335.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2026 là 119.310.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 454.310.000 đồng (bốn trăm sáu mươi tư triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Về lãi suất chậm Thi hành án: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: Ông Q phải chịu 22.172.400 đồng tiền án phí DSST; Hoàn trả ông S số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông S khởi kiện ông Q tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh về việc ông Q vay tiền không trả; ông Q hiện đang cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn ông Q đã được Tòa án tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Q không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào và cũng không thể hiện quan điểm của mình trước yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản gốc “Giấy xác nhận nợ ngày 9/2/2024” có chữ ký, chữ viết của ông Q tại mục “ĐẠI DIỆN BÊN B, bên vay tiền, ký ghi rõ họ tên”.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”.

Xét thấy, Đây là giao dịch dân sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định, ngày 09/02/2024 ông S cho ông Q vay số tiền 335.000.000đ là đúng. Theo “*Giấy xác nhận nợ*” hai bên có thỏa thuận thời hạn vay là ngày 15/7/2024, đến hạn trả nợ ông Q không thực hiện trả nợ cho ông S như cam kết. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Q nhưng ông Q không đến làm việc, không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho ông S. Do đó, có căn cứ xác định ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ông S khởi kiện yêu cầu ông Q phải có trách nhiệm thanh toán tiền gốc đã vay là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ vào “*Giấy xác nhận nợ*” thì các bên thỏa thuận lãi suất từ ngày vay 09/02/2024 đến ngày 15/7/2024 là 1%/tháng. Nếu quá thời hạn mà ông Q chưa thanh toán được tiền gốc vay thì phải trả lãi suất 1,5%/tháng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và không vượt quá mức lãi suất pháp luật cho phép nên có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi trong hạn từ ngày 09/02/2024 đến ngày 15/7/2024, ông S yêu cầu tính tròn 05 tháng với mức lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vay 335.000.000đ là: $335.000.000đ \times 5 \times 1\% = 16.750.000đ$. Đối với tiền lãi quá hạn từ ngày 16/7/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/5/2026 là 22 tháng 12 ngày, mức lãi suất 1,5%/tháng theo thỏa thuận của các bên: $335.000.000đ \times 22 \text{ tháng } 12 \text{ ngày} \times 1,5\% = 112.560.000đ$. Tổng tiền lãi là 129.310.000đ

Quá trình vay đến cuối năm 2025 ông Q đã trả cho ông S được 10.000.000đ tiền lãi nay được trừ đi. Như vậy, tổng số tiền ông Vi Văn Q phải thanh toán trả cho ông Vi Văn S gồm tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 335.000.000 đồng + 119.310.000 đồng = 454.310.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Vi Văn Q phải chịu tiền án phí DSST theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Hoàn trả ông Vi Văn S số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 144, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày

25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn S đối với ông Vi Văn Q.

Buộc ông Vi Văn Q phải trả cho ông Vi Văn S tiền nợ gốc là 335.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 28/5/2026 là 119.310.000đ; tổng số tiền gốc và tiền lãi là 454.310.000 đồng (bốn trăm năm mươi tư triệu, ba trăm mười nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm Thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về án phí: Ông Q phải chịu 22.172.400đ (hai mươi hai triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí DSST. Hoàn trả ông S số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST theo biên lai số 0000038 ngày 05/01/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- Thi hành án DS tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Lưu HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn

